

Phẩm Thứ 8: THÂN THÔNG

Giải thích: Đã nói nghĩa chân thật rồi, kể là nói về tướng thân thông của Bồ-tát. Kệ rằng:

*Sinh diệt và nói năng,
Tâm hành cùng trụ trước,
Để dẫn khiến xuất ly, Sáu
trí thông tự tại.*

Giải thích: Sinh diệt là trí cảnh sinh tử, là biết việc sinh tử của chúng sinh.

Lời nói là trí cảnh của thiên nhĩ. Tùy theo lời chúng sinh nói lên đều nghe biết.

Tâm hành là trí cảnh của tâm người, có công năng biết được hoạt động trong tâm người và sự khác nhau của nó.

Tiên trụ là trí cảnh kiếp trước là biết những gom chứa thiện ác kiếp trước của người.

Để dẫn dắt là trí cảnh như ý, là tùy nơi ở chúng sinh mà giáo hóa.

Xuất ly là trí cảnh lậu tận, là biết rõ chúng sinh kia có nên xuất ly hay không.

Sáu trí như vậy, đối với sáu nghĩa khác nhau của thế giới, hiểu biết cùng khắp, không có gì chướng ngại, mà mạnh mẽ tự tại. Đó gọi là tự tính thân thông của Bồ-tát.

Đã nói về tự tính ấy, kể là nói về tu tập. Kệ rằng:

*Thiền cực tịnh thứ tư,
Thuộc trí vô phân biệt,
Như phương tiện đã lập,
Nương đây, các thông tịnh.*

Giải thích: Như thiền đã nương, như trí đã xếp vào, như phương tiện đã lập, mà Bồ-tát tác ý tu tập là được thân thông tối thượng.

Đã nói tu tập thân thông, kể là nói về quả chứng đắc thân thông.

Kệ rằng:

*Ba trụ, trụ vô tử,
Nơi qua, khéo cúng dường,
Khiến họ được thanh tịnh,
Là nói quả thân thông.*

Giải thích: Thân thông có ba thứ quả là:

1. Quả thắng trụ. Trụ này, có ba hạng: a. Trụ vào thánh; b. Trụ

vào phạm thiên; c. Trụ vào cõi trời, vì đã được Vô thượng, vô tí.

2. Quả khéo cúng dường là theo chỗ mình ở mà chúng sinh trong đời cúng dường rộng lớn, long trọng.

3. Quả giúp chúng sinh thanh tịnh là có công năng khiến người cúng dường được thanh tịnh.

Hỏi: Thần thông có sáu thứ nghiệp là: Tự nghiệp, tha nghiệp, quang nghiệp, hí nghiệp, hóa nghiệp và tịnh nghiệp. Sáu nghiệp ấy ra sao? Kệ rằng:

*Việc thành hoại, đời này,
Coi chúng giống như huyễn,
Các việc họ mong muốn,
Tự tại tùy ý thành.*

Giải thích: Nửa trên của bài kệ này là chỉ bày tự nghiệp, vì thấy các sinh ra, hoại diệt trong đời này, như huyễn hóa, nửa sau của bài kệ là chỉ rõ tha nghiệp, nghĩa là những việc đất rung chuyển, phát sáng v.v... Tùy những gì chúng sinh muốn thì hiện cho họ một cách tự tại. Mười thứ lớp tại, như kinh Thập Địa có nói. Kệ rằng:

*Sáng thân soi đường ác,
Khiến tin, sinh đường lành,
Oai lực chấn cung trời,
Điện động làm ma sợ.*

Giải thích: Bài kệ này nói về ánh sáng nghiệp. Ánh sáng nghiệp có hai thứ: 1. Cứu khổ; 2. Làm cho ma khiếp sợ. Nửa trên của bài kệ nói về việc cứu khổ, nghĩa là chiếu xuống đến chúng sinh ở đường ác, khiến họ phát lòng tin được sinh lên đường lành. Nửa dưới của bài kệ là nói về ma khiếp sợ. Nghĩa là ánh sáng chiếu tới cõi trời làm cung điện ma rung chuyển, khiến các ma kinh hãi. Kệ rằng:

*Dạo chơi các Tam-muội,
Bậc nhất trong Tăng-già,
Thường hiện ba biến hóa,
Để lợi ích chúng sinh.*

Giải thích: Nửa trên của bài kệ là nói về hí nghiệp, là ở trong Phật và Đại chúng mà vui chơi trong định một cách tự tại. Nửa dưới của bài kệ là nói về hóa nghiệp. Hóa này có ba thứ:

1. Nghiệp hóa, là với tay nghề tinh xảo có thể biến hóa tự tại.
2. Tùy hóa là theo chúng sinh cầu, đều biến hóa tự tại.
3. Thượng hóa là biến hóa vượt trội như trụ ở cõi trời Đâu-suất... Do ba biến hóa này mà thường làm lợi ích cho chúng sinh. Kệ

rằng:

*Trí lực khắp, tự tại,
Tùy muốn hiện cõi nào,
Không Phật, giúp nghe Phật.
Đưa thẳng có cảnh Phật.*

Giải thích: Bài kệ là nói về nghiệp thanh tịnh, nghiệp này có hai thứ:

1. Cõi nước thanh tịnh.
2. Chúng sinh thanh tịnh.

Nửa trên của bài kệ là nói về cõi nước thanh tịnh, là đối với thế giới không có Phật, Bồ-tát có công năng giúp họ nghe pháp Phật, phát lòng tin thanh tịnh, như được sinh nơi có Phật. Đã nói về nghiệp dụng, kế là nói về tương ứng. Kệ rằng:

*Sức thành thực chúng sinh,
Điều Chư Phật khen ngợi,
Nói ra ai cũng tin,
Như vậy tương ứng nhau.*

Giải thích: Thần thông tương ứng, có ba thứ:

1. Tương ứng với việc thành tựu chúng sinh, như cánh chim mới được thành tựu.
2. Tương ứng với lời khen ngợi là thường được Chư Phật khen ngợi.
3. Tương ứng với sự tin nhận là hễ mình nói ra lời gì cũng được các người tin nhận.

Đã nói tương ứng, sau đây nói về an trụ đầy đủ trong thần thông.

Kệ rằng:

*Sáu trí và ba minh, Tám
giải, tám thắng xứ,
Mười biến, các Tam-muội,
Mạnh mẽ giúp thần thông.*

Giải thích: Bồ-tát an trụ đầy đủ trong thần thông, có sáu thứ khác nhau:

1. Sáu trí.
2. Ba minh.
3. Tám giải thoát.
4. Tám thắng xứ.
5. Mười biến nhập.
6. Các Tam-muội.

Sáu nghĩa như vậy, là do phân biệt sự khác nhau của thần thông đầy đủ.

Đã nói trụ đầy đủ trong thần thông, kể nói khen ngợi thần thông quảng đại. Kệ rằng:

*Năng an không tự tại,
Thường siêng lợi ích vật,
Hành có không sợ hãi,
Mạnh mẽ như sư tử.*

Giải thích: Thần thông của Bồ-tát, có ba thứ đại:

1. Tự tại đại, bị chúng sinh do phiền não nên không được tự tại, Bồ-tát có sức mạnh của trí tuệ có công năng tự tại ở bất cứ nơi nào.
2. Vui mừng đại do siêng làm các lợi ích cho chúng sinh nên có một niềm vui hoàn toàn như vậy.
3. Không sợ đại, đi trong ba cõi mạnh mẽ như sư tử.

Phẩm Thứ 9: THÀNH THỰC

Giải thích: Đã nói thân thông của các Bồ-tát. Các Bồ-tát làm thế nào để tự thành thực? Kệ rằng:

*Dục, tín, xả, bi, nhẫn,
Đủ niệm, lực, kiên, chi.
Nên biết, tự thành thực,
Chín ấy đều thượng phẩm.*

Giải thích: Bồ-tát có chín thứ lớp thành thực:

1. Ham muốn thành thực, vì mong cầu pháp Đại thừa.
2. Lòng tin thành thực, vì nói pháp với tâm thanh tịnh.
3. Buông xả thành thực, vì dứt, lìa phiền não.
4. Tâm thương xót thành thực, vì thương xót chúng sinh.
5. Nhẫn nhục thành thực, vì có công năng làm những việc khó làm.
6. Niệm thành thực, thọ trì tất cả.
7. Sức mạnh thành thực, vì thông đạt tất cả.
8. Vững chắc thành thực, vì ác ma, ngoại đạo, không thể đọa lầy.
9. Bạn hữu thành thực, do phần thiện tròn đầy.

Vì chín thứ địa vị tối thượng cùng cực như vậy, nên gọi là thành thực tướng. Chín thứ thành thực này, mỗi thứ đều có nhân, có thể, có nghiệp, nay sẽ nói. Kệ rằng:

*Gần bạn, nghe suy nghĩ,
Mạnh hơn, rớt ráo hơn,
Nhiếp pháp, và thọ pháp,
Nói dục tướng (thành) thực.*

Giải thích: Gần gũi bạn lành, lắng nghe chánh pháp, suy nghĩ như chánh pháp. Từ ba điều ấy, phát sinh tâm ham muốn lớn lao, đó gọi là nhân ham muốn. Thượng đại tinh tấn là tất cả không có nghĩ bàn, hoàn toàn không nghi ngờ. Đó gọi là thể của ham muốn. Đối với pháp Đại thừa, nơi nào xảy ra tai nạn bất ngờ thì có công năng giữ gìn. Những gì mà Bồ-tát nói để khiến có lòng tin, nhận lãnh thì gọi là nghiệp ham muốn. Kệ rằng:

*Nhóm phước trí Như lai,
Tâm tịnh không thể hoại,
Mau thọ quả trí định,
Nói tướng tin, thành thực.*

Giải thích: Tức Bà-già-bà đã nói rộng như thế, đó gọi là nhân của

lòng tin. Nó được thanh tịnh, không hư hoại, đó gọi là thể của lòng tin. Được quả trí định gọi là nghiệp của lòng tin. Kệ rằng:

*Khéo giữ gìn sáu căn,
Lìa ác khởi đối trị.
Thích tu các pháp lành,
Nói xả tướng thành thực.*

Giải thích: Do nương vào niệm mà khéo giữ gìn sáu căn, gọi là nhân buông xả. Lìa hiểu biết bất thiện, phát khởi đạo Vô gián, gọi là thể của buông xả. Thường thích tu tập pháp lành, gọi là nghiệp của buông xả. Kệ rằng:

*Thấy các chúng sinh khổ,
Thương xót, lìa tâm Tiểu,
Được thân đẹp thế gian,
Nói tướng bi thành thực.*

Giải thích: Bồ-tát thấy chúng sinh khổ, gọi là nhân thương xót. Từ đó phát sinh lòng thương vô hạn, xa lìa tâm Tiểu thừa. Đây gọi là thể của tâm xót thương. Được tất cả chỗ tốt đẹp của thế gian mà không lui sụt, gọi là nghiệp của tâm thương xót. Kệ rằng:

*Giữ tính thường tu, tập
Rất khổ, an nhẫn được,
Thường ưa thích thiện căn,
Nói tướng nhẫn thành thực.*

Giải thích: Giữ tính nhẫn nại gọi là cánh cửa thường tu tập thành tính, gọi là nhân của nhẫn nhục, có công năng chịu khổ rất giá rét, đó gọi là thể của nhẫn. Tùy nơi sinh tốt đẹp mà thường tu pháp lành, đó gọi là nghiệp nhẫn. Kệ rằng:

*Thuận theo báo tịnh thiện,,
Nói đi sâu thiện, ác,
Năng khởi đại Bát-nhã,
Nói tướng niệm thành thực.*

Giải thích: Được đồ chứa đựng trong sạch, gọi là nhân của niệm. Từ hai nghĩa thiện, ác, mà mình nghe, suy nghĩ, tu tập đến chỗ sâu xa, không quên. Đó gọi là thể của niệm, phát sinh trí Bát-nhã xuất thế, đó gọi là nghiệp của niệm. Kệ rằng:

*Hai nhóm giới tròn đầy,
Quả sinh, nương trên hết,
Thế gian được bậc nhất.
Nói tướng sức thành tựu.*

Giải thích: Hạt giống của hai nhóm phước trí đầy khắp, đó gọi là nhân của sức mạnh. Có công năng được nường trên hết, là thể của sức mạnh. Tùy ý thành thực bậc nhất ở thế gian, gọi là sức mạnh của nghiệp. Kệ rằng:

*Quán sâu lý diệu pháp,
Các ma không thể đoạt,
Có thể vượt bộ khác,
Nói tướng kiên thành thực.*

Giải thích: Đưa tâm ý quán xét đạo lý của pháp mầu nhiệm, đó gọi là vững chắc. Ác ma Ba-tuần không thể chướng ngại nổi, đó gọi là thể của vững chắc. Có thể gây ra lỗi lầm cho bộ chúng khác, đó gọi là nghiệp kiên cố. Kệ rằng:

*Tất cả nhóm gốc lành,
Phát sinh do nường siêng,
Lìa ác, và tu lành,
Nói tướng chi thành thực.*

Giải thích: Nhóm thiện căn thành thực, đó gọi là nhân của chi. Dựa vào nhân này, phát sinh siêng năng hơn nữa, đó gọi là thể của chi. Lìa các bất thiện, thích tu thiện vượt cao, đó gọi là nghiệp của chi. Kệ rằng:

*Chín thứ vật như thế,
Tự thực cũng thực người,
Thêm thiện, thêm pháp thân,
Như thân nhất trên đời.*

Giải thích: Chín vật như Dục, v.v... có thể làm thành thực, cũng có thể khiến cho người khác được thành thực. Thường tăng thêm tất cả gốc lành và thêm lớn pháp thân. Vì hai thứ tăng thêm này mà tương tự như người thân nhất trên đời.

Đã nói Bồ-tát tự thành thực kế là nói Bồ-tát thành thực chúng sinh. Kệ rằng:

*Nhọt chín muối phải trị,
Nấu chín mới ăn được.
Chúng sinh thực cũng vậy,
Vì hai phần xả dụng.*

Giải thích: Hai phần là:

1. Phần chướng ngại.
2. Phần trị.

Chướng chín muối thì phải xả, như ung nhọt chín muối thì phải

nặn vỡ ra. Thục chín thì mới dùng, như đồ ăn nấu chín mới ăn. Đó gọi là nường vào thành thục.

Đã nói nường vào thành thục, kể là nói thành thục khác nhau. Kệ rằng:

*Xả, phổ, thảng, tùy, thiện, Đắc,
thường, tiệm là tám, Các thành
thục như thế, Là nói chủng khác
nhau.*

Giải thích: Có tám thứ tướng làm cho người khác thành thục:

1. Buông xả thành thục, là giúp chúng sinh dứt phiền não.
2. Phổ thành thục là giáo hóa ba thừa.
3. Thảng thành thục vượt qua pháp ngoại đạo.
4. Tùy thành thục là nói ứng cơ.
5. Thiện thành thục là tâm cung kính.
6. Đắc thành thục là giúp chúng sinh không hiểu trái ngược.
7. Thường thành thục là giúp chúng sinh không bao giờ lui sụt.
8. Tiệm thành thục, khiến thứ lớp tăng thêm.

Đã nói sự khác nhau của thành thục. Kể là nói thảng tâm thành thục. Kệ rằng:

*Lợi con, lợi người thân, Lợi mình, ba lợi
đẹp.*

*Bồ-tát lợi tất cả,
Ba đẹp kia không sánh.*

Giải thích: Như người đời đem yên vui cho con, cho người thân, cho mình, tâm ấy rất đẹp. Bồ-tát muốn thành thục trùm khắp cho tất cả chúng sinh. Nó vượt khỏi ba tâm kia, không thể sánh bằng, nên gọi là Bồ-tát thành thục cho chúng sinh.

Hỏi: Sự tốt đẹp này được thành lập ra sao? Kệ rằng:

*Người đời không thương mình,
Huống chi thương người khác.
Bồ-tát xả thương mình,
Chỉ vì thương người khác.*

Giải thích: Người đời dù thương yêu mình, nhưng vẫn chưa sống an vui sung sướng, huống chi là thương yêu người khác, làm lợi ích cho họ. Bồ-tát không như vậy, là bỏ đi sự thương yêu mình mà chỉ lo thương yêu người, cho nên Bồ-tát thành thục chúng sinh vượt cao khỏi tình thương vị kỷ.

Hỏi: Vận dụng tâm vượt hơn này để thành thục ra sao? Kệ rằng:

Thân, của xả tất cả,

*Bình đẳng, không nhàm chán,
Ai thiếu giúp đầy đủ,
An lập vào gốc lành.*

Giải thích: Bài kệ này nói về Đản Ba-la-mật để thành thực chúng sinh. Có ba thứ Đản (bố thí):

1. Tư sinh Đản là tất cả cái gì trong thân và của cải bên ngoài đều đều buông xả.
2. Bình đẳng Đản là đối việc bố thí bỏ đi ý niệm cao, thấp.
3. Vô yếm Đản: Mãi hằng hái bố thí, không thấy mệt mỏi. Vì hoàn cảnh mà gom chúng sinh về bằng ba Đản này, cho cả hai đời và trong hiện tại thì giúp họ đầy đủ, và an lập cho họ gốc lành trong đời vị lai. Kệ rằng:

*Thường với tính và mẫn,
Tự vui không buông lung.
Dẫn họ vào giới đủ,
Hai quả thường không hết.*

Giải thích: Bài kệ này nói về Thi Ba-la-mật thành thực chúng sinh. Bồ-tát có năm thứ Thi-la (giới):

1. Thường Thi-la là đời đời thường có Thi-la.
2. Tự tính Thi-la là tâm không dụng công mà vẫn an trụ trong thể chân thật của Thi-la.
3. Tròn đầy Thi-la là sống đầy đủ với mười nghiệp đạo thiện, như kinh Thập Địa nói.
4. Tự ưa Thi-la là ưa thích.
5. Bất buông lung Thi-la là niệm niệm không phạm.

Bởi hoàn cảnh mà gom chúng sinh bằng năm Thi-la này cho cả hai đời và trong hiện tại thì an lập phẩm giới, và giúp họ nương vào quả báo hai công đức không bao giờ dứt mất ở đời vị lai. Kệ rằng:

*Không lợi, được tưởng lợi,
Tốt nhân hiểu phương tiện,
Khiến họ khởi thuận theo,
Và gieo các gốc lành.*

Giải thích: Bài kệ này nói về Sẵn-đề (Nhân nhục) Ba-la-mật để thành tựu chúng sinh. Nếu ai đem việc không có lợi ích cho Bồ-tát, thì đối với họ, Bồ-tát khởi tâm nhân nhục cao tốt làm cho họ hiểu lợi ích. Vì sao? Vì theo hoàn cảnh họ gây ra mà ta sống cao hơn nữa về nhân nhục Ba-la-mật. Và cũng tùy hoàn cảnh dùng nhân gom chúng sinh về

trong cả hai đời, trong hiện tại khiến họ quay về chánh đạo, và giúp họ gieo gốc lành đời vị lai. Kệ rằng:

*Nhiều kiếp tu siêng năng,
Tâm không lui lợi vật,
Khiến sinh một niệm lành,
Huống muốn vô lượng thiện?*

Giải thích: Bài kệ này nói về Tỳ-lê-gia (Tinh tấn) Ba-la-mật thành thực chúng sinh. Trong ức trăm ngàn kiếp, Bồ-tát thực hành siêng năng trên hết thành thực vô biên chúng sinh, nhưng tâm không lui sụt. Và tùy hoàn cảnh đem tinh tấn gom chúng sinh về trong cả hai đời, và trong hiện tại khiến họ phát sinh một ý niệm lành, huống chi giúp cho họ có vô lượng gốc lành tăng lên mãi trong đời vị lai. Kệ rằng:

*Được thiền tự tại trên,
Lìa nhiễm và kiến, mạn,
Hiện tại giúp quy hướng,
Vị lai, pháp lành tăng.*

Giải thích: Bài kệ này nói về Thiền Ba-la-mật để thành thực chúng sinh. Bồ-tát được thiền định xa lìa ái, kiến, mạn, v.v... nên được tự tại trên hết. Và tùy hoàn cảnh, lấy đây gom nhiếp chúng sinh về, trong cả hai đời là trong hiện tại thì khiến họ quay về pháp mẫu bậc nhất và giúp họ tăng lên mãi gốc lành ở đời vị lai. Kệ rằng:

*Biết chân và biết ý,
Dứt được tất cả nghi,
Khiến cung kính chánh pháp,
Công đức mình, người mãn.*

Giải thích: Bài kệ này nói về Bát-nhã Ba-la-mật thành thực chúng sinh. Biết chân thật là hiểu pháp không bị trái ngược. Biết ý là vì biết hoạt động trong tâm chúng sinh mà dứt ngờ vực cho họ. Và tùy hoàn cảnh, lấy Bát-nhã này mà gom nhiếp chúng sinh về, trong cả hai đời và trong hiện tại thì khiến họ quay về, sinh tâm cung kính pháp sâu xa và giúp công đức tự thân họ và công đức tự thân người đều tròn đầy trong đời vị lai. Kệ rằng:

*Đường lành và ba thừa, Đại
bi có ba phẩm, Cùng tận mé
vị lai,
Như thế thực chúng sinh.*

Giải thích: Bài kệ này nói về tướng thành thực lớn lao. Có ba thứ:

1. Giai vị lớn lao là cùng cực bốn địa vị mà an lập con đường lành cho cả ba thừa.

2. Phẩm lớn lao rốt ráo đại bi có ba phẩm. Phẩm dưới thuộc địa Tín, hạnh. Phẩm giữa là từ Sơ địa đến địa thứ bảy. Phẩm trên thuộc các địa tám, chín, mười.

3. Thời gian lớn lao là thời gian vô biên đến tận cùng bờ mé vị lai, Bồ-tát vẫn làm lợi ích cho chúng sinh đến đó. Đó gọi là tướng thành thực lớn lao.

